

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày: 17 - 02 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sâm Châu

Ông Nguyễn Ngọc Giang San

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Long Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Bùi Đức T, Giới tính: Nam; Sinh năm 2002, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã BC, huyện LT, tỉnh ĐN; Nơi sinh sống: Ấp B, xã BC, huyện LT, tỉnh ĐN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Bùi Văn T2, sinh năm 1970 và bà Trịnh Thị V, sinh năm 1972; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Chị **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ A, khu CX, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh ĐN. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đức T và Nguyễn Văn T3 là bạn bè với nhau. Ngày 27/6/2021 T đến nhà T3 tại ấp 6, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành chơi và ở lại. Đến 14 giờ 45 phút ngày 29/6/2021 T, T3 và em trai T3 là T4 đang ngồi chơi tại phòng khách thì có bạn của T3 là chị Trần Thị Thanh H ghé chơi. Chị H mang theo 01 ba lô sọc ca rô màu nâu đen để trên nền gạch ở phòng khách, sau đó Hằng và T3 vào phòng của T3 nói chuyện, T4 đi ra phía sau nhà nằm võng. Lúc này, T quan sát thấy không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp T sản trong ba lô, T đến kéo khóa ba lô thì thấy có tiền mệnh giá 50.000đ, 100.000đ, 200.000đ và

500.000đ, T lấy hết tiền trong ba lô và đếm được 4.300.000đ rồi cất vào ví của T rồi kéo khóa ba lô lại như cũ. Khoảng 10 phút sau, T nói với T3 là đến nhà H1 ở ấp 8, xã Bàu Cạn để đòi tiền rồi T lên xe đi. Nghi ngờ T lấy trộm tiền nên chị H lại kiểm tra ba lô thì phát hiện mất số tiền 4.300.000đ. Khoảng 30 phút sau, T3 đi đến nhà H1 gặp T hỏi có lấy tiền của chị H không nhưng T nói “không lấy”, T3 yêu cầu kiểm tra ví của T thì thấy có số tiền 4.300.000đ rồi T3 đi về. Sau đó, chị H làm đơn báo công an xã Bàu Cạn, đến ngày 01/7/2021 T bị Công an xã Bàu Cạn mời về trụ sở làm việc. Tại đây, T thừa nhận hành vi trộm cắp số tiền 4.300.000 đ của chị H và nộp lại 160.000 đ, còn lại đã tiêu xài hết.

Vật chứng: Số tiền 160.000 đ do T giao nộp lại sau khi trộm cắp nhưng chưa tiêu xài hết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã trả lại cho chị H số tiền 4.300.000đ và chị H không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSLT ngày 24/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Bùi Đức T để xét xử về tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Đức T từ 06 đến 07 tháng tù giam

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 4.300.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 160.000 đồng.

- Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, số tiền 160.000 đồng đã giao nộp bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các chứng cứ khác được thu thập và quá trình tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Bùi Đức T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận do không có nghề nghiệp, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 15 giờ ngày 29/6/2021 bị cáo lợi dụng sơ hở của bị hại, tài sản không có người trông coi, bị cáo đã có hành vi lén lút mở khóa ba lô của chị H lấy trộm số tiền 4.300.000 đồng.

Do vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây tác động xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo khi lượng hình, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo (bút lục 41). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự.

[7] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 160.000 đồng bị cáo giao nộp lại sau khi chiếm đoạt do bị cáo không yêu cầu nhận lại là phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại cho chị H 4.300.000 đồng. Bị hại không yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành về tội danh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Bùi Đức T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Bùi Đức T 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 160.000 đồng (số tiền trên được nộp tại Kho bạc nhà nước Long Thành theo Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-VKSLT ngày 24/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành và giấy nộp tiền mặt ngày 30/12/2021).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Bùi Đức T phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại chị Trần Thị Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại;
- VKSND huyện Long Thành;
- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THA dân sự huyện Long Thành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Thành;
- Cơ quan THA HS có thẩm quyền;
- Nhà tạm giữ công an huyện Long Thành
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

Hội thẩm nhân dân
toà

Thẩm phán - Chủ toạ phiên

